

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14/2022/KDTM-ST**

Ngày: 18/5/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu T

Bà Nguyễn Thị H

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị H** - Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **5** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 43/2021/TLST-KDTM ngày 29/10/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐST-KDTM ngày 31/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 19/4/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần BT.

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Phương T – Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính – Công ty Cổ phần BT (*theo Giấy ủy quyền số 18/2021/GUQ-TGD ngày 10/4/2021 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần BT*).

* ***Bị đơn:*** Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ M.

Địa chỉ: thôn Phụng Nghĩa, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Tuấn Mạnh, sinh năm 1990 – Giám

độc công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ M.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Trịnh Tuấn Mạnh: thôn Làng Hạ, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Ông Trịnh Tuấn Mạnh ủy quyền cho bà Lê Ngọc Anh (*theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2022*).

Tại phiên tòa:

+ Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần BT – Bà Đỗ Thị Phương T – ***Có mặt.***

+ Người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ M – ***Vắng mặt.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần BT – Bà Đỗ Thị Phương T trình bày:*

Ngày 07/02/2020, Công ty Cổ phần BT (*gọi tắt là: Công ty Hà Thanh*) ký kết Hợp đồng kinh tế số 0720LI/HĐKT với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ M (*gọi tắt là: Công ty M*) về việc mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông cho dự án “*Khu Du lịch sinh thái Flamingo Đại Lải – Khu A*”.

Theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết, Công ty Hà Thanh đã thực hiện cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty M như sau:

** Từ ngày 03/4/2020 đến 01/6/2020, Công ty Hà Thanh đã cung cấp cho Công ty M (được ghi tổng sản phẩm cung cấp trong Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 01/6/2020) gồm:*

- + Bê tông thương phẩm M100R28 (12+-2) là 66,0 m³ x 636.363,64đ/khối.
- + Bê tông thương phẩm M300R28 (12+-2) là 156,0 m³ x 745.454,55đ/khối.
- + Bê tông thương phẩm M300R7 (12+-2) là 9,0 m³ x 790.909,09đ/khối.
- + Bơm cần 37-42m: 74,0 m³ x 54.545,45 đồng.
- + Bơm cần 37-42m: 01 ca x 2.181.818,18 đồng.
- + Bơm cần 37-42m (cột và vách): 03 ca x 2.636.363, 64 đồng.
- + Bơm cần 52-56m: 62 m³ x 59.909,91 đồng.
- + Bơm cần 52-56m: 01 ca x 4.090.909,09 đồng.
- + Bù giá vận chuyển: 01 chuyến x 272.727,27 đồng.

(giá thành trên là giá chưa tính thuế GTGT 10%).

Tổng cộng tiền ngày 01/6/2020 là: 187.563.636 đồng. Tiền thuế là 18.756.364 đồng. Tổng cộng khi đã tính thuế là 206.320.000 đồng.

** Từ ngày 02/6/2020 đến 30/06/2020 Công ty Hà Thanh đã cung cấp cho Công ty M (được ghi tổng sản phẩm cung cấp trong Hóa đơn giá trị gia tăng ngày*

30/6/2020) gồm:

- + Bê tông thương phẩm M300R7 (12+-2) là 228,5 m³ x 790.909,09đồng/khối.
- + Bơm cần 37-42m: 122,0 m³ x 54.545,45 đồng.
- + Bơm cần 37-42m: 03 ca x 2.181.818,18 đồng.
- + Bơm cần 37-42m (cột và vách): 03 ca x 2.636.363, 64 đồng;

(giá thành trên là giá chưa tính thuế GTGT 10%)

Tổng cộng tiền ngày 30/6/2020 là: 201.831.818 đồng. Tiền thuế là 20.183.182 đồng. Tổng cộng khi đã tính thuế là: 222.015.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký kết, Công ty Hà Thanh luôn thực hiện đúng trách nhiệm của nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật – chất lượng và tiến độ của Công ty M và đã cũng cấp đầy đủ theo Hợp đồng kinh tế đã ký.

Giữa Công ty Hà Thanh và công ty M đã lập Bản xác nhận công nợ khách hàng nội dung thanh toán tiền Bê tông thương phẩm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020 với tổng số tiền nợ là: 428.335.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay Công ty M chưa thanh toán trả Công ty Hà Thanh được khoản tiền nào.

Nay công Ty Hà Thanh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết

Buộc Công ty M thanh toán cho Công ty Hà Thanh tổng số tiền mua hàng còn nợ là: 428.335.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Buộc Công ty M thanh toán cho Công ty Hà Thanh số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/3/2022 là 47.187.000 đồng.

Buộc Công ty M thanh toán cho Công ty Hà Thanh số tiền lãi quá hạn đến ngày thanh toán hết công nợ.

**** Bị đơn – Công ty M:***

Công ty M vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án. Ngày 19/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ mở phiên tòa để xét xử vụ án. Người đại diện theo pháp luật của Công ty M ủy quyền cho bà Lê Ngọc Anh, sinh năm 1993; cư trú tại: thôn Làng Hạ, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (*theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2022*). Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía Công ty M và người đại diện theo ủy quyền không có ý kiến nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

**** Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:***

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Hà Thanh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty Hà Thanh số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (ngày 18/5/2022) tổng số tiền là: 481.005.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 428.335.000 đồng; nợ lãi là: 52.670.000

đồng (*Bảng 6,5%/năm tương ứng với thời gian chậm trả*). Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Hà Thanh có ý kiến, sau khi hoãn phiên tòa ngày 19/4/2022, phía Công ty M đã trao đổi với phía Công ty Hà Thanh và thừa nhận khoản tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện và theo Bản xác nhận công nợ khách hàng nội dung thanh toán tiền Bê tông thương phẩm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020. Tuy nhiên phía Công ty M đề nghị được trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nhưng phía Công ty Hà Thanh không đồng ý với đề nghị của phía bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; ý kiến, quan điểm của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- *Về khoản tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:*

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: Buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty Hà Thanh tính đến ngày xét xử (ngày 18/5/2022) tổng số tiền là: 481.005.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 428.335.000 đồng; nợ lãi là: 52.670.000 đồng.

- *Về án phí:* Bị đơn là Công ty M phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Hà Thanh theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn (Công ty Hà Thanh) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền dự phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 07/02/2020, giữa Công ty Cổ phần BT với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ M ký Hợp đồng kinh tế số 0720LI/HĐKT với nội dung: Công ty Hà Thanh cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty M. Thực hiện Hợp đồng kinh tế đã ký, Công ty Hà Thanh đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty M. Tuy nhiên, đến nay Công ty M không thanh toán khoản tiền còn nợ theo biên bản xác nhận công nợ thanh toán tiền Bê tông thương phẩm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020 và vi phạm thỏa thuận đã ký. Công ty Hà Thanh khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ yêu cầu Công ty M phải thanh toán

khoản tiền còn nợ. Bị đơn là Công ty M có trụ sở tại: thôn Phụng Nghĩa, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn là Công ty M: Công ty M vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án. Ngày 19/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ mở phiên tòa để xét xử vụ án. Người đại diện theo pháp luật của Công ty M ủy quyền cho bà Lê Ngọc Anh, sinh năm 1993; cư trú tại: thôn Làng Hạ, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (*theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2022*). Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do để đối chiếu lại công nợ và sẽ có ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía Công ty M và người đại diện theo ủy quyền không có ý kiến nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đây là phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét Hợp đồng kinh tế ký kết giữa Công ty Hà Thanh và Công ty M và quá trình thực hiện hợp đồng: Theo Hợp đồng kinh tế số 0720LI/HĐKT ngày 07/02/2020, Công ty Hà Thanh cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty M để thực hiện dự án “*Khu Du lịch sinh thái Flamingo Đại Lải – Khu A*”. Thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, Công ty Hà Thanh đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty M, việc cung cấp nêu trên được thể hiện tại các Biên bản xác nhận khối lượng, phiếu giao hàng và các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 01/6/2020 và Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/6/2020 và Bản xác nhận công nợ khách hàng (*theo Hợp đồng số 0720LI/HĐKT ngày 07/02/2020*) nội dung thanh toán tiền Bê tông thương phẩm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020 với tổng số tiền là: 428.335.000 đồng. Do vậy, có căn cứ để xác định Công ty Hà Thanh đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty M theo khối lượng và đơn giá như phía Nguyên đơn trình bày và đã được thể hiện trong các Biên bản xác nhận khối lượng, các phiếu giao hàng, Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 01/6/2020 và Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/6/2020.

[2.2]. Xét khoản tiền còn nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ: Theo Bản xác nhận công nợ khách hàng giữa đại diện Công ty Hà Thanh và đại diện Công ty M thể hiện. Công ty M còn nợ Công ty Hà Thanh tiền bê tông thương phẩm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020 với tổng số tiền nợ là: 428.335.000 đồng. Khoản tiền Công ty M còn nợ Công ty Hà Thanh đến nay Công ty M chưa thanh toán khoản tiền nào cho Công ty

Hà Thanh. Công ty M không xuất trình được căn cứ chứng minh đã thanh toán tiền cho Công ty Hà Thanh. Vì vậy, Công ty Hà Thanh khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ là có căn cứ.

[2.3]. Xét khoản tiền lãi chậm trả: Theo điểm 4.2 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 0720LI/HĐKT ngày 07/02/2020 thể hiện các bên thỏa thuận “...*Bên B (Công ty Hà Thanh) xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A (Công ty M). Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị theo hóa đơn trong vòng 10 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn hồ sơ thanh toán của Bên B ...*”. Do vậy, ngày Công ty Hà Thanh xuất hóa đơn giá trị gia tăng lần thứ nhất là ngày 01/6/2020 với số tiền Công ty M phải thanh toán là 206.320.000 đồng nên ngày Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 11/6/2020; ngày Công ty Hà Thanh xuất hóa đơn giá trị gia tăng lần thứ hai là ngày 30/6/2020 với số tiền Công ty M phải thanh toán là 222.015.000 đồng nên ngày Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 10/7/2020.

Tính từ ngày Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ nhất (ngày 11/6/2020) với số tiền phải thanh toán là 206.320.000 đồng đến ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ hai (ngày 10/7/2020) là 28 ngày; tính từ ngày Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ hai (ngày 10/7/2020) với số tiền phải thanh toán là 222.015.000 đồng. Cộng dồn tổng số tiền Công ty M phải thanh toán tính từ ngày 10/7/2020 là 428.335.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/5/2022) là 677 ngày.

Trong hợp đồng các bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng thỏa thuận về thời gian trả nợ nên cần xác định lãi suất trong vụ án này thuộc trường hợp phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật Dân sự năm 2015 và lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được tính tương ứng với thời gian chậm trả và không vượt quá 10%/năm.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 6,5%/năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 6,5%/năm tương ứng với thời gian chậm trả không vượt quá 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Xét đây là sự tự nguyện của Nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc tính lãi suất chậm trả là 6,5%/năm. Do vậy:

+ Đối với khoản tiền 206.320.000 đồng vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ nhất 28 ngày lãi suất là: $206.320.000 \text{ đồng} \times (6,5\% : 365 \text{ ngày}) \times 28 \text{ ngày} = 1.029.000 \text{ đồng}$.

+ Đối với khoản tiền 428.335.000 đồng vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến

ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/5/2022) là 677 ngày lãi suất là: 428.335.000 đồng x (6,5% : 365 ngày) x 677 ngày = 51.641.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/5/2022) là: 1.029.000 đồng + 51.641.000 đồng = 52.670.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi Công ty M phải thanh toán trả cho Công ty Hà Thanh là: 428.335.000 đồng + 52.670.000 đồng = 481.005.000 đồng.

[3]. Về án phí:

+ Công ty Hà Thanh được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng dự phí đã nộp.

+ Công ty M phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 481.005.000 đồng là 23.240.200 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 21, Điều 30, 31, 39, 147 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần BT về việc yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ M trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 0720LI/HĐKT ngày 07/02/2020 theo Bản xác nhận công nợ khách hàng nội dung thanh toán tiền Bê tông thương phẩm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ M phải trả cho Công ty Cổ phần BT tổng số tiền còn nợ là: 481.005.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi một triệu, không trăm linh năm nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 428.335.000 đồng; tiền lãi chậm trả là: 52.670.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

+ Công ty Cổ phần BT được hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng dự phí đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0075429 ngày 27/10/2021) tại Chi cục Thi hành án huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

+ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ M phải chịu 23.240.200 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Công ty Cổ phần BT có mặt có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ M vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hà Nội;
- VKSND H.Chương Mỹ;
- Chi cục THA H.Chương Mỹ;
- Lưu HSVA – VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng L